

## **ĐỀ CƯƠNG**

### **GIỚI THIỆU LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI**

Ngày 20/11/2014, tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa XIII đã thông qua Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 (sau đây gọi là Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014). Chủ tịch nước ký Lệnh số 15/2014/L-CTN ngày 04/12/2014 công bố Luật tổ chức Quốc hội. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016.

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI NĂM 2014**

Sau hơn 12 năm thi hành, Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 có hiệu lực từ ngày 07/01/2002 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007) đã có đóng góp quan trọng, làm cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Hoạt động của Quốc hội ngày càng dân chủ, thực chất và hiệu quả hơn. Công tác lập pháp được đổi mới mạnh mẽ; số lượng luật, pháp lệnh được thông qua ngày càng nhiều; chất lượng văn bản được nâng lên, về cơ bản đã bao quát mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Công tác giám sát của Quốc hội được tăng cường với sự kết hợp nhiều hình thức giám sát và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức hữu quan; nội dung giám sát tập trung vào những vấn đề quan trọng, nổi lên trong thực tiễn cuộc sống, được dư luận xã hội và cử tri quan tâm, đồng tình ủng hộ. Việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, đặc biệt là về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và các công trình, dự án quan trọng quốc gia được Quốc hội xem xét thận trọng nên ngày càng đem lại hiệu quả thiết thực. Hoạt động đối ngoại của Quốc hội đạt kết quả tích cực cả về chiều rộng và chiều sâu, góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, để tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, cần sửa đổi Luật tổ chức Quốc hội hiện hành với các lý do cụ thể sau đây:

*Thứ nhất*, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6, ngày 28/11/2013 (sau đây gọi là Hiến pháp) đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, do đó, Luật tổ chức Quốc hội cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Hiến pháp.

*Thứ hai*, từ năm 2002 đến nay, trong quá trình tổ chức và hoạt động, Quốc hội luôn có những đổi mới, cải tiến về phương thức, chế độ làm việc theo hướng phát huy dân chủ, tăng tính chủ động, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hữu quan. Những đổi mới, cải tiến này được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn và phù hợp nhưng chưa được ghi nhận trong Luật mà chỉ được thể hiện trong nghị quyết, nội quy,

quy chế hoạt động hoặc trở thành các tiền lệ trong hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

*Thứ ba*, một số quy định của Luật tổ chức Quốc hội hiện hành về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội còn chưa cụ thể, rõ ràng, tính khả thi còn thấp, như việc trình dự án luật, kiến nghị về luật của đại biểu Quốc hội, việc đưa ra đề cử tri bãi nhiệm đại biểu Quốc hội không còn xứng đáng, việc bỏ phiếu tín nhiệm, việc tổ chức trưng cầu ý dân...

*Thứ tư*, một số thiết chế trong Luật tổ chức Quốc hội hiện hành chưa có quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn như Ủy ban lâm thời hoặc nhiệm vụ, quyền hạn không tương xứng với vị trí của thiết chế đó như Đoàn thư ký kỳ họp Quốc hội. Mô hình tổ chức bộ máy giúp việc chưa thật hợp lý, tính chuyên nghiệp trong hoạt động của bộ máy này chưa cao; chưa luật hóa địa vị pháp lý của các cơ quan thuộc bộ máy giúp việc như Ban công tác đại biểu, Ban dân nguyện, Văn phòng Quốc hội; chưa có cơ chế khuyến khích, thu hút các chuyên gia giỏi, cán bộ có năng lực, kinh nghiệm về làm việc tại các cơ quan giúp việc Quốc hội.

*Thứ năm*, tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội hiện nay chưa tương xứng với sự gia tăng về khối lượng công việc trong khi yêu cầu về chất lượng ngày càng cao. Cơ chế làm việc cũng như các điều kiện bảo đảm cho đại biểu Quốc hội, bao gồm cả đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách chưa thật sự phù hợp và chưa được quy định trong luật.

Từ những lý do nêu trên cho thấy cần phải sửa đổi một cách cơ bản Luật tổ chức Quốc hội hiện hành nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội; bảo đảm Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao hoạt động của Nhà nước;

2. Kế thừa và phát triển những quy định trong Luật tổ chức Quốc hội hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan đã được thực tiễn kiểm nghiệm là hợp lý, đúng đắn và hiệu quả; khắc phục những hạn chế, bất cập; đồng thời hệ thống hóa, pháp điển một bước các quy định về tổ chức và hoạt động của Quốc hội;

3. Xác định đại biểu Quốc hội giữ vai trò trung tâm, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là các cơ quan chuyên môn làm việc thường xuyên của Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội; các cơ quan khác thuộc Quốc hội và Văn phòng Quốc hội là bộ máy tham mưu, phục vụ của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Quốc hội để tránh chồng chéo, trùng lặp, không hành chính hóa hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

4. Tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động nghị viện của một số nước trên thế giới phù hợp với điều kiện của Việt Nam; đồng thời, hoàn thiện cả về kỹ thuật lập pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả của đạo luật này.

### **III. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 gồm 7 chương, 102 điều với các nội dung cụ thể như sau:

**Chương I. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội:** gồm 20 điều (từ Điều 1 đến Điều 20), quy định về vị trí, chức năng của Quốc hội; Nhiệm kỳ Quốc hội; Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Quốc hội; Làm Hiến pháp và sửa đổi luật; Giám sát tối cao của Quốc hội; Quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội; Bầu các chức danh trong bộ máy nhà nước; Phê chuẩn các chức danh trong bộ máy nhà nước; Việc từ chức của người được Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; Miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; Lấy phiếu tín nhiệm; Bỏ phiếu tín nhiệm; Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan, thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính; Bãi bỏ văn bản trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; Quyết định đại xá; Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; Phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế; Trưng cầu ý dân; Xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị và việc giải quyết kiến nghị của cử tri cả nước.

**Chương II. Đại biểu Quốc hội:** gồm 23 điều (từ Điều 21 đến Điều 43) quy định các nội dung liên quan đến: Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội; Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội; Số lượng đại biểu Quốc hội; Thời gian hoạt động của đại biểu Quốc hội; Nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội; Trách nhiệm tham gia các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội; Trách nhiệm với cử tri; Trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân; Quyền trình dự án luật, pháp lệnh và kiến nghị về luật, pháp lệnh; Quyền tham gia làm thành viên và tham gia hoạt động của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; Quyền ứng cử, giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Quốc hội bầu; Quyền chất vấn; Quyền kiến nghị của đại biểu Quốc hội; Quyền yêu cầu khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật; Quyền yêu cầu cung cấp thông tin; Quyền tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân; Quyền miễn trừ của đại biểu Quốc hội; Việc chuyển công

tác, xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội; Việc tạm đình chỉ hoặc mất quyền đại biểu Quốc hội; Việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội; Phụ cấp và các chế độ khác của đại biểu Quốc hội; Điều kiện bảo đảm cho đại biểu Quốc hội; Đoàn đại biểu Quốc hội

**Chương III. Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội:** gồm 22 điều (từ Điều 44 đến Điều 65) quy định về: Vị trí, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Trách nhiệm của các thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội; Phối hợp công tác giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị, triệu tập và chủ trì kỳ họp Quốc hội; Xây dựng luật, pháp lệnh; Giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; Giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đình chỉ, bãi bỏ văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương; Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và Ủy ban của Quốc hội; Trách nhiệm của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn các chức danh trong bộ máy nhà nước; Trách nhiệm của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với hoạt động của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát, hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân; Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Quyết định tình trạng chiến tranh, quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; Trách nhiệm của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc thực hiện quan hệ đối ngoại của Quốc hội; Tổ chức trưng cầu ý dân; Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; Thời gian tiến hành phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; Dự kiến chương trình và quyết định triệu tập phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Quốc hội; Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch Quốc hội;

**Chương IV. Hội đồng dân tộc và các Ủy ban Quốc hội:** gồm 24 điều (từ Điều 66 đến Điều 89) quy định về: Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; Cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; Nguyên tắc làm việc, nhiệm kỳ và trách nhiệm báo cáo của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng dân tộc; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban pháp luật; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban tư pháp; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban kinh tế; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban tài chính, ngân sách; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban quốc phòng và an ninh; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban về các vấn đề xã hội; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban đối ngoại; Trách nhiệm tham gia thẩm tra và phối hợp giữa Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; Trách nhiệm của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong việc bảo vệ Hiến pháp; Yêu cầu báo cáo, cung cấp tài liệu, cử thành viên đến xem xét, xác minh;

Giải trình tại phiên họp Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; Phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức ở địa phương; Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế; Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội; Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội; Phiên họp toàn thể của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; Thành lập Ủy ban lâm thời; Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban lâm thời.

**Chương V. Kỳ họp Quốc hội:** gồm 8 điều (từ Điều 90 đến Điều 97) quy định về: Kỳ họp Quốc hội; Chương trình kỳ họp Quốc hội; Triệu tập kỳ họp Quốc hội; Người được mời tham dự kỳ họp Quốc hội, dự thính tại phiên họp Quốc hội; Các hình thức làm việc tại kỳ họp Quốc hội; Trách nhiệm chủ tọa các phiên họp Quốc hội; Biểu quyết tại phiên họp toàn thể; Tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội.

**Chương VI. Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội và kinh phí hoạt động của Quốc hội:** gồm 4 điều (từ Điều 98 đến Điều 101) quy định về: Tổng thư ký Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; Kinh phí hoạt động của Quốc hội.

**Chương VII. Điều khoản thi hành:** gồm Điều 102 quy định về hiệu thực thi hành.

## **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI NĂM 2014**

### **1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội (Chương I)**

*Về cơ bản, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội* (Điều 1) Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về nội dung này (Điều 69 và Điều 70 của Hiến pháp) để đảm bảo thực hiện trên thực tế. Luật đã quy định các nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội thành 16 điều tương ứng với 3 chức năng lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước của Quốc hội..

*Về làm luật và sửa đổi luật*, Điều 5 của Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã quy định Quốc hội quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; thảo luận, xem xét, thông qua dự án luật tại một hoặc nhiều kỳ họp của Quốc hội căn cứ vào nội dung của dự án, còn trình tự, thủ tục làm luật, sửa đổi luật sẽ do Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định.

*Về giám sát tối cao của Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định về đối tượng, phạm vi giám sát còn những vấn đề cụ thể về cách thức, trình tự, thủ tục, hệ quả giám sát thì do Luật hoạt động giám sát quy định (Điều 6).

*Về quyết định các chính sách quan trọng về kinh tế - xã hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã quy định rõ thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định chính sách về kinh tế, ngân sách, chính sách về tôn giáo, đối ngoại, quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (Điều 7).

*Về lấy phiếu tín nhiệm*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định đối tượng lấy phiếu tín nhiệm, hệ quả của việc lấy phiếu, còn thời điểm, thời hạn, trình tự lấy phiếu tín nhiệm do Quốc hội quy định cụ thể trong văn bản khác (Điều 12).

*Về trưng cầu ý dân*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã cụ thể hóa khoản 15 Điều 70 của Hiến pháp về các trường hợp Quốc hội quyết định việc trưng cầu dân ý. Theo đó, Luật cũng đã xác định rõ các chủ thể có quyền đề nghị Quốc hội trưng cầu dân ý là Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ hoặc một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội; đồng thời khẳng định kết quả trưng cầu dân ý có giá trị quyết định đối với vấn đề được đưa ra trưng cầu dân ý. Cách thức, trình tự, thủ tục trưng cầu ý dân sẽ do Luật trưng cầu ý dân quy định (Điều 19).

*Về xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri cả nước*, Điều 20 của Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định theo hướng Quốc hội xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri cả nước do Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam phối hợp với Ủy ban thường vụ Quốc hội trình.

## **2. Về đại biểu Quốc hội (Chương II)**

*Về vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định cụ thể hơn về tính chất hoạt động của đại biểu Quốc hội chuyên trách và không chuyên trách; thể hiện rõ trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong việc tham gia các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, trách nhiệm với cử tri và trách nhiệm trong việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; thể hiện rõ các quyền của đại biểu Quốc hội đã được Hiến pháp ghi nhận như quyền trình dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh, quyền tham gia làm thành viên và tham gia các hoạt động của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; quy định cụ thể chế độ lương, thưởng, phụ cấp cho các đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các điều kiện đảm bảo tính độc lập cho đại biểu Quốc hội.

*Về tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội*, do Luật tổ chức Quốc hội cần điều chỉnh các vấn đề liên quan đến các cơ cấu hợp thành tổ chức của Quốc hội, trong đó đại biểu Quốc hội là thành tố giữ vị trí trung tâm, nên việc quy định về tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội trong Luật là phù hợp. Đây không chỉ là tiêu chuẩn để cử tri xem xét, đánh giá khi bầu một người làm đại biểu Quốc hội mà các tiêu chuẩn này cần được tiếp tục duy trì, bảo đảm trong suốt nhiệm kỳ của đại biểu của Quốc hội, là cơ sở để Quốc hội hoặc cử tri xem xét, nhận xét đối với từng đại biểu Quốc hội. Vì vậy, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã bổ sung và quy định rõ các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội tại Điều 22.

*Về số lượng đại biểu Quốc hội*, Điều 23 của Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định số lượng đại biểu Quốc hội không quá 500 người vừa thể hiện số ghé tối đa trong Quốc hội, vừa bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Nội dung, cách thức xác định số lượng cụ thể đại biểu Quốc hội

được bầu sẽ được quy định trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

*Về tỷ lệ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách*, Khoản 2 Điều 23 của Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ít nhất là 35% tổng số đại biểu Quốc hội (Luật trước đây quy định là 25%) để phù hợp với yêu cầu thực tế của Quốc hội nước ta hiện nay, đồng thời đây là điều kiện để tiến tới chuyên nghiệp hóa hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội.

*Về thời gian làm công tác đại biểu của các đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách*, Khoản 2 Điều 24 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất 1/3 thời gian làm công tác đại biểu để bảo đảm các đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm phải dành đủ thời gian tham gia các hoạt động của Quốc hội.

*Về quyền tham gia làm thành viên và tham gia hoạt động của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội*, Điều 30 của Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định đại biểu Quốc hội có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội. Căn cứ vào năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác, đại biểu Quốc hội đăng ký tham gia làm thành viên của Hội đồng dân tộc hoặc một Ủy ban của Quốc hội. Trên cơ sở đăng ký của đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội xem xét lập danh sách thành viên Hội đồng dân tộc, Ủy ban trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn. Đồng thời, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 cũng quy định thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong phê chuẩn việc cho thôi làm thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội (Điều 53).

Quyền tham gia làm thành viên Hội đồng, Ủy ban phải luôn gắn bó chặt chẽ với các trách nhiệm cụ thể. Điều 26 của Luật xác định rõ trách nhiệm của thành viên Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội là phải tham dự các phiên họp, tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề và tham gia các hoạt động khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, Ủy ban mà mình là thành viên.

Đối với những đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã mở ra cơ chế để đại biểu vẫn có thể tham gia vào một số hoạt động của các cơ quan của Quốc hội như có quyền đăng ký tham dự các phiên họp do Hội đồng dân tộc, các Ủy ban tổ chức để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm (Khoản 2 Điều 30).

*Về phụ cấp và các điều kiện bảo đảm cho đại biểu Quốc hội*, Đại biểu Quốc hội được cấp hoạt động phí hàng tháng, kinh phí để thực hiện chế độ thuê khoán chuyên gia, thư ký giúp việc và các hoạt động khác để phục vụ cho hoạt động của đại biểu theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, trang bị các phương tiện vật chất, kỹ

thuật cần thiết phục vụ cho hoạt động của đại biểu Quốc hội,... (Điều 41, Điều 42 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014).

*Về Đoàn đại biểu Quốc hội (Điều 43)*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã thể hiện rõ hơn vị trí của Đoàn đại biểu Quốc hội là tổ chức của các đại biểu Quốc hội được bầu tại một tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương; trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Quốc hội chuyển công tác đến tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương thì được chuyển sinh hoạt đến Đoàn đại biểu Quốc hội nơi mình nhận công tác. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn đại biểu Quốc hội, Luật đã quy định rõ nhiệm vụ của Đoàn đại biểu Quốc hội trong 4 lĩnh vực chính là tổ chức để đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, thực hiện nhiệm vụ giám sát và thảo luận, góp ý kiến về các dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác.

*Về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội*, Khoản 4 Điều 43 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định “*Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của các đại biểu Quốc hội trong Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương*” là nhằm tạo cơ sở pháp lý để củng cố và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, tăng cường hơn nữa cơ chế bảo đảm, hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động của đại biểu Quốc hội tại địa phương, nhất là trong thời gian giữa 2 kỳ họp Quốc hội. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội sẽ do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể trong các văn bản khác.

### **3. Về Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội (Chương III)**

*Về vị trí, chức năng của Ủy ban thường vụ Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã cụ thể hóa 13 khoản tại Điều 74 của Hiến pháp thành một số điều về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban thường vụ. Luật đã bổ sung một điều mới (Điều 53) quy định về thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn các chức danh trong bộ máy nhà nước cho phù hợp với Hiến pháp.

*Về cơ cấu thành phần của Ủy ban thường vụ Quốc hội*, Khoản 2 Điều 44 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã quy định cụ thể cơ cấu, thành phần của Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội để tạo cơ sở pháp lý cho từng khóa Quốc hội bầu, quyết định nhân sự cụ thể; còn việc bố trí, phân công nhân sự của Ủy ban thường vụ Quốc hội có đồng thời kiêm nhiệm Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội hay không là do Quốc hội từng khóa quyết định căn cứ vào điều kiện thực tế của khóa Quốc hội đó.

*Về thẩm quyền giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định các hoạt động giám sát, đối tượng giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Theo đó, Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, điều chỉnh chương trình giám sát của Quốc hội trong thời gian giữa hai kỳ họp và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần



nhất; đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập, giám sát hoạt động của Hội đồng nhân dân, giám sát việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Điều 50).

*Về chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc và Ủy ban của Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã quy định khá cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực phụ trách của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, song trên thực tế rất khó phân định rạch ròi trách nhiệm, lĩnh vực cụ thể của từng cơ quan và vẫn cần có sự chỉ đạo, điều hòa, phối hợp chung để bảo đảm hoạt động của các cơ quan này được nhịp nhàng, có sự thông suốt. Do đó, với tư cách là cơ quan thường trực của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cần thực hiện vai trò chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban để nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của Quốc hội. Vì vậy, Luật tiếp tục quy định nhiệm vụ này của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại Điều 52.

*Về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính*, theo quy định tại Điều 56 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Chính phủ. Đề án về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải được Ủy ban của Quốc hội thẩm tra trước khi trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Đây là một trong những điểm mới của Luật so với các quy định trước đây.

*Về tổ chức trưng cầu ý dân*, Điều 59 Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã làm rõ thẩm quyền của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc tổ chức trưng cầu ý dân theo hướng Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về hình thức phiếu trưng cầu, thể thức bỏ phiếu và kiểm phiếu; quyết định thời gian cụ thể trưng cầu ý dân, nội dung ghi trên phiếu trưng cầu ý dân căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về việc trưng cầu ý dân; kiểm tra, giám sát việc trưng cầu ý dân; chịu trách nhiệm tổng hợp, công bố kết quả trưng cầu ý dân và với Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

#### **4. Về Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội (Chương IV)**

*Về cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội*, trong cơ cấu tổ chức của Hội đồng dân tộc, Ủy ban hiện nay có cả chức danh Ủy viên thường trực và Ủy viên chuyên trách. Để phân biệt rõ 2 chức danh này, Luật đã quy định Hội đồng dân tộc gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên. Ủy ban của Quốc hội gồm có Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm, các Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên (Điều 67).

*Việc phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo hướng sau đây:*

(1) Bổ sung quyền trình dự án luật, dự án pháp lệnh về lĩnh vực mà Hội đồng dân tộc, Ủy ban phụ trách;

(2) Bổ sung trách nhiệm của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội trong việc bảo vệ Hiến pháp nhằm cụ thể hóa Điều 119 của Hiến pháp. Theo đó, trong quá trình thực hiện, nhiệm vụ, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm phát hiện văn bản có dấu hiệu vi phạm Hiến pháp và kiến nghị cơ quan đã ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản đó; trường hợp cơ quan đã ban hành văn bản không thực hiện kiến nghị thì Hội đồng, Ủy ban có quyền kiến nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Ủy ban pháp luật có trách nhiệm thẩm tra kiến nghị của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đề nghị của Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của Mặt trận hoặc của đại biểu Quốc hội về văn bản có dấu hiệu vi phạm Hiến pháp để trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, xử lý theo thẩm quyền (Điều 80);

(3) Bổ sung quyền yêu cầu báo cáo, cung cấp tài liệu, cử thành viên xem xét, xác minh về vấn đề mà Hội đồng dân tộc, Ủy ban quan tâm và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan đối với những yêu cầu của Hội đồng, Ủy ban cho phù hợp với Hiến pháp (Điều 81);

(4) Bổ sung, làm rõ hoạt động báo cáo, giải trình tại phiên họp Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội về những vấn đề cần thiết thuộc lĩnh vực Hội đồng, Ủy ban phụ trách (Điều 82);

(5) Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng dân tộc trong việc thẩm tra việc bảo đảm chính sách dân tộc trong các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội (Điều 69);

(6) Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban pháp luật trong việc giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; bảo vệ Hiến pháp, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật (Điều 70);

(7) Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban tư pháp trong việc thẩm tra dự án luật, pháp lệnh về phòng, chống tham nhũng (Điều 71);

(8) Tiếp tục xác định nhiệm vụ thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng của Ủy ban kinh tế; đồng thời bổ sung thẩm quyền cho Ủy ban này trong việc thẩm tra dự án luật, pháp lệnh về lĩnh vực đất đai và chính sách cơ bản về tiền tệ quốc gia (Điều 72);

(9) Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban tài chính, ngân sách trong việc thẩm tra dự án luật, pháp lệnh về kiểm toán nhà nước (Điều 73);

(10) Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban văn hoá, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng trong việc thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng. Theo đó, Ủy ban này sẽ phụ trách lĩnh vực văn hoá, giáo dục, thông tin, truyền thông, tín ngưỡng, tôn giáo, du lịch, thể thao, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng (Điều 75);

(11) Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban các vấn đề xã hội trong việc thẩm tra dự án luật, dự án pháp lệnh thuộc lĩnh vực an sinh xã hội, bình đẳng giới, thi đua, khen thưởng (Điều 76).

*Về Ủy ban lâm thời của Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã quy định cụ thể về Ủy ban lâm thời tại Điều 88 và Điều 89 trong dự thảo Luật, tránh gây nhầm lẫn với các Ủy ban thường xuyên khác của Quốc hội. Luật quy định rõ các trường hợp Quốc hội thành lập Ủy ban lâm thời, khẳng định thành viên của Ủy ban lâm thời phải là đại biểu Quốc hội; thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban lâm thời do Quốc hội quyết định theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ủy ban lâm thời chấm dứt hoạt động sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ.

## **5. Về Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội và kinh phí hoạt động của Quốc hội (Chương VI)**

*Về Tổng thư ký Quốc hội và Văn phòng Quốc hội*, trên cơ sở đánh giá hoạt động của Đoàn thư ký kỳ họp cũng như tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong tổ chức phục vụ hoạt động của Quốc hội, Luật đã được chỉnh lý theo hướng quy định Tổng thư ký Quốc hội là người đứng đầu Ban thư ký, đồng thời là Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội. Tổng thư ký Quốc hội sẽ do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, cách chức. Đồng thời, để xác định rõ hơn vị trí pháp lý của Văn phòng Quốc hội, dự thảo Luật đã quy định Văn phòng Quốc hội là cơ quan hành chính, phục vụ Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và đại biểu Quốc hội (Điều 98, Điều 99).

*Về các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 dành một điều khoản (Điều 100) để quy định chung về các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các cơ quan này có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Ủy ban thường vụ Quốc hội về các mảng công việc cụ thể.

## **V. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI NĂM 2014 SO VỚI LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI HIỆN HÀNH**

### **1. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 cụ thể hóa quy định của Hiến pháp 2013 về chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội**

Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 được xây dựng và trình Quốc hội trong bối cảnh Hiến pháp năm 2013 đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Bởi vậy, các quy định của Luật tổ chức Quốc hội được sửa đổi, bổ sung trên nguyên tắc cơ sở kế thừa và cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp.

*Về chức năng của Quốc hội*, trên cơ sở quy định tại Điều 69 của Hiến pháp, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã quy định chức năng của Quốc hội theo hướng ngắn gọn hơn, cụ thể là: Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

So với quy định của luật hiện hành, Quốc hội không tổ chức thực hiện giám sát tối cao “đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước” mà chỉ tiến hành “giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”. Việc sửa đổi quy định tại Điều 1 của Luật hiện hành nhằm khẳng định đối tượng giám sát tối cao của Quốc hội chỉ bao gồm “*tầng cao nhất của bộ máy Nhà nước*” (Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, những người đứng đầu các cơ quan này và các thành viên của Chính phủ).

*Về nhiệm kỳ của Quốc hội*, trên cơ sở cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã bổ sung thêm một số nội dung về nhiệm kỳ của Quốc hội. Bên cạnh việc tiếp tục quy định thời gian cho mỗi nhiệm kỳ Quốc hội là năm năm, Luật cũng xác định rõ khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, Quốc hội sẽ quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ. Nếu như Luật năm 2001 không quy định cụ thể về thời gian kéo dài hay rút ngắn nhiệm kỳ của Quốc hội, thì Luật năm 2014, trên cơ sở cụ thể hóa khoản 3, Điều 71 của Hiến pháp 2013 đã ấn định việc kéo dài nhiệm kỳ của một khóa Quốc hội không được quá 12 tháng, trừ trường hợp có chiến tranh.

*Về việc lấy phiếu tín nhiệm*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã bổ sung quy định mới về việc lấy phiếu tín nhiệm. Quy định này nhằm ghi nhận thẩm quyền của Quốc hội trong việc lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Mặc dù Hiến pháp 2013 không đề cập đến việc lấy phiếu tín nhiệm, song dựa trên hiệu quả việc lấy phiếu tín nhiệm, sự quan tâm của cử tri cả nước và dư luận xã hội trong thời gian qua, Luật sửa đổi đã thiết kế quy định về lấy phiếu tín nhiệm với tính chất là một phương thức tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Đồng thời, đây cũng được xem là một bước chuẩn bị cho việc thực hiện quyền bỏ phiếu tín nhiệm đã được quy định trong Hiến pháp.

Bên cạnh quy định về lấy phiếu tín nhiệm, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã bổ sung quy định về việc *bỏ phiếu tín nhiệm* trên cơ sở thể chế hóa quy định của Hiến pháp và Luật hóa một số nội dung trong Nghị quyết số 35/2012/QH13 về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn và có kế thừa quy định tại Điều 88 của Luật tổ chức Quốc hội hiện hành. Theo đó, Luật tiếp tục quy định Quốc hội sẽ bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn trong các trường hợp do Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị hoặc có ý kiến bằng văn bản của ít nhất hai mươi phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội hoặc có

kiến nghị của Hội đồng dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội. Bên cạnh đó, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã bổ sung thêm trường hợp Quốc hội sẽ bỏ phiếu tín nhiệm *khi có từ hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội trở lên đánh giá tín nhiệm thấp đối với người được lấy phiếu tín nhiệm*. Đồng thời, Luật cũng đã quy định rõ hậu quả pháp lý đối với người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm khi có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội bỏ phiếu không tín nhiệm.

## **2. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 bổ sung thêm nhiều quy định để bảo đảm đại biểu Quốc hội giữ vai trò trung tâm trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội**

*Về bố cục*, để thể hiện vai trò trung tâm của đại biểu Quốc hội trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, tại Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, các quy định về đại biểu Quốc hội được thiết kế tại chương II, ngay sau chương những quy định chung về *Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội*.

*Về nội dung*, bên cạnh việc kế thừa các quy định của luật hiện hành, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã bổ sung thêm một số nội dung sau đây:

*Về trách nhiệm với cử tri*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định đại biểu Quốc hội có thể tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc; tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng, địa bàn mà đại biểu quan tâm nhằm mục đích tạo thêm cơ hội để đại biểu Quốc hội lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của cử tri, đồng thời thu hút được sự quan tâm của cử tri đối với các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội.

*Về quyền chất vấn của đại biểu Quốc hội*, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 bổ sung quyền chất vấn của đại biểu đối với Tổng Kiểm toán nhà nước để phù hợp với Hiến pháp (sửa đổi); đồng thời sửa đổi quy định về việc trả lời chất vấn theo hướng Ủy ban thường vụ Quốc hội kiến nghị Quốc hội xem xét, quyết định cho phép người bị chất vấn trả lời chất vấn tại phiên họp toàn thể của Quốc hội, phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc trả lời trực tiếp bằng văn bản đến đại biểu Quốc hội đã chất vấn. Trường hợp đại biểu Quốc hội chưa đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền tiếp tục chất vấn lại tại phiên họp của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc gửi chất vấn đến người bị chất vấn.

*Về quyền kiến nghị của đại biểu Quốc hội*, so với Luật năm 2001, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 có quy định riêng về quyền của đại biểu Quốc hội trong việc kiến nghị Quốc hội về các vấn đề: làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp; trưng cầu ý dân; thành lập Ủy ban lâm thời của Quốc hội; bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn; tổ chức phiên họp bất thường; phiên họp kín của Quốc hội và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu Quốc hội thấy cần thiết. Ngoài ra, đại biểu Quốc hội cũng có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Về quyền tham dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 bổ sung thêm quyền của đại biểu Quốc hội tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân nơi đại biểu cư trú hoặc nơi làm việc khi Hội đồng nhân dân bàn những vấn đề mà đại biểu quan tâm. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho đại biểu Quốc hội sâu sát hơn với tình hình thực tiễn của địa phương, thu thập thêm các thông tin cần thiết cho hoạt động của mình.

### **3. Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 bổ sung các quy định nhằm xác định cụ thể vị trí pháp lý của đại biểu Quốc hội chuyên trách**

So với luật hiện hành, số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách đã được nâng lên là ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội (Điều 45 của Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 sửa đổi năm 2007 quy định *số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có ít nhất là hai mươi lăm phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội*) để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc kiện toàn bộ máy của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các Đoàn đại biểu Quốc hội.

Đồng thời, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 có những quy định cụ thể về đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách để phân biệt rõ hơn địa vị pháp lý, vai trò và trách nhiệm với đại biểu Quốc hội hoạt động không chuyên trách. Luật quy định “*Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách dành toàn bộ thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu tại cơ quan của Quốc hội hoặc tại Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương*”. Với quy định này, Luật sửa đổi đã xác định điểm khác biệt lớn nhất về chế độ pháp lý của đại biểu hoạt động chuyên trách là những người dành toàn bộ thời gian của mình cho hoạt động của Quốc hội và không kiêm nhiệm công tác điều hành, quản lý nhà nước trong bộ máy của các cơ quan khác ở trung ương cũng như địa phương. Đối với các đại biểu hoạt động không chuyên trách, dự thảo Luật cũng quy định trách nhiệm dành tối thiểu một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội.

Bên cạnh việc xác định rõ chế độ pháp lý, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 cũng quy định đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập. Những hội nghị này là hoạt động quan trọng để các đại biểu chuyên trách nghiên cứu, thảo luận sâu sắc hơn về các nội dung trước khi Quốc hội cho ý kiến, góp phần nâng cao hơn chất lượng hoạt động của Quốc hội.

### **4. Về tổ chức của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội**

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp và kế thừa quy định của Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 sửa đổi năm 2007 về tổ chức của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã bổ sung những quy định mới về việc bầu, phê chuẩn thành viên Hội đồng và các Ủy ban; các quy định về Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban; và quy định về việc thành lập các tiểu ban của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

*Về việc bầu, phê chuẩn thành viên Hội đồng, Ủy ban:* Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định Quốc hội chỉ bầu Chủ tịch Hội đồng dân tộc và Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội. Các chức danh Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban sẽ do Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội. Các quy định này nhằm bảo đảm linh hoạt cho quy trình phê chuẩn các thành viên Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cũng như sự linh hoạt trong công tác điều động, bố trí, luân chuyển cán bộ; bảo đảm quyền được tham gia Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội của các đại biểu Quốc hội.

*Về quy định đối với Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban,* trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 xác định thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban là bộ phận giúp Hội đồng, Ủy ban giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng, Ủy ban trong thời gian Hội đồng, Ủy ban không họp. Việc xây dựng những quy định cụ thể dành cho thường trực Hội đồng dân tộc, thường trực Ủy ban nhằm đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tiễn. Hiện nay, đa số các thành viên của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, công tác ở nhiều cơ quan và địa phương khác nhau trong cả nước, trong khi đó, khối lượng công việc mà Hội đồng dân tộc và các Ủy ban phải giải quyết lại rất lớn và đa dạng, vì vậy, cần phải có bộ phận chuyên trách giúp Hội đồng dân tộc, Ủy ban giải quyết những công việc mang tính chất tác nghiệp thường xuyên của các cơ quan này.

*Về việc thành lập các tiểu ban của Hội đồng và các Ủy ban,* trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 42 của Luật tổ chức Quốc hội năm 2001 và quy định tại Điều 11 của Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã xây dựng quy định mới về việc thành lập các tiểu ban để nghiên cứu, chuẩn bị các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội đồng, Ủy ban.

## **5. Về chức danh Tổng thư ký**

Trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động của nghị viện các nước trên thế giới, với mục tiêu nâng cao chất lượng của đội ngũ tham mưu, giúp việc của Quốc hội, Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 đã xây dựng quy định mới về chức danh Tổng thư ký. Theo đó, Tổng thư ký Quốc hội do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm để tham mưu, phục vụ hoạt động của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Tổng thư ký là đại biểu Quốc hội đồng thời giữ vai trò là Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội về hoạt động của Văn phòng Quốc hội.

Tổng thư ký thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình làm việc của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; về quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động của Quốc hội, Ủy

ban thường vụ Quốc hội; phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng dự thảo nghị quyết về các nội dung do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao; là người phát ngôn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức công tác cung cấp thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện, bảo tàng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội; tổ chức các nghiệp vụ thư ký tại phiên họp, kỳ họp; tập họp, tổng hợp các ý kiến của đại biểu Quốc hội; ký biên bản phiên họp, biên bản kỳ họp; thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao. Giúp việc cho Tổng thư ký Quốc hội có Ban thư ký. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ban thư ký sẽ do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định.

## **VI. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN LUẬT**

Luật tổ chức Quốc hội 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2007/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật Tổ chức Quốc hội 2014 có hiệu lực.

Sau khi ban hành Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, để cụ thể hóa các quy định của Luật về hoạt động của Quốc hội thì Quốc hội cần tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ các văn bản liên quan sau đây:

- **Nội quy kỳ họp Quốc hội:** quy định việc chuẩn bị kỳ họp Quốc hội; phiên họp, cuộc họp tại Quốc hội; trình tự, thủ tục Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức và nhân sự, xem xét, thông qua dự án luật, dự thảo nghị quyết, chất vấn và trả lời chất vấn, xem xét, thảo luận các báo cáo.

- **Quy chế hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội:** quy định về hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội, việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, việc đại biểu Quốc hội xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu, các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội....

- **Quy chế hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội:** quy định về cơ cấu tổ chức, nội dung hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tổ chức và tiến hành phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội, quan hệ công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bộ máy giúp việc và kinh phí hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- **Quy chế hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội:** quy định về cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, hoạt động thẩm tra của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, hoạt động giám sát của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các hoạt động khác của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; trách nhiệm và mối quan hệ công tác của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;



bộ máy giúp việc và kinh phí hoạt động của Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

- **Nghị quyết số 27/2012/QH13 của Quốc hội** quy định về một số cải tiến, đổi mới trong hoạt động lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, tổ chức kỳ họp Quốc hội, tổ chức phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và công tác bảo đảm để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội.

Ngoài ra, Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng ban hành một số Nghị quyết quy định về chế độ, điều kiện làm việc của đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội trong việc tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân; về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội, Ban thư ký của Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Ban công tác đại biểu, Ban dân nguyện, Viện nghiên cứu lập pháp...

Để cụ thể hóa các quy định về tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong Luật tổ chức Quốc hội năm 2014, cần phải tiến hành sửa đổi, bổ sung một cách tổng thể, toàn diện các văn bản pháp luật nêu trên. Chính vì vậy, tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội thứ 34 vừa qua (tháng 1/2015), Ủy ban thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo các cơ quan hữu quan của Quốc hội trình dự thảo Đề án tổng kết, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội, với 3 nhóm nhiệm vụ chính như sau:

*Thứ nhất*, tổng kết việc thi hành các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Đoàn đại biểu Quốc hội để thấy được những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nội quy, quy chế để kiến nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết.

*Thứ hai*, tiến hành rà soát lại toàn bộ các quy định trong nội quy, quy chế, nghị quyết có liên quan để thấy được những nội dung nào đã được luật hóa trong Luật tổ chức Quốc hội năm 2014 hoặc sẽ được tiếp tục luật hóa trong Luật hoạt động giám sát (sửa đổi), Luật ban hành văn bản pháp luật (sửa đổi) và các luật khác dự kiến sẽ trình Quốc hội thông qua trong năm 2015; những nội dung nào không còn phù hợp với Hiến pháp và các luật hiện hành; những nội dung nào cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới để phù hợp với thực tế hoạt động hiện nay của Quốc hội.

*Thứ ba*, kiến nghị trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về danh mục những văn bản cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc bãi bỏ và định hướng sửa đổi, bổ sung các văn bản đó để báo cáo với Quốc hội bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trong năm

2015 nhằm bảo đảm việc thi hành Luật tổ chức Quốc hội sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.